

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2019/HS-ST
Ngày 08-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Sóng,

Bà Nguyễn Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hậu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 90/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2019 theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 84/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2019 và Q định hoãn phiên tòa số 59/2019/HSST-QĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

Trần Văn G sinh năm 1949, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn S, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L và bà Phạm Thị Đ; có vợ Trần Thị O và có 06 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Lương Văn Q sinh năm 1991, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn C, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn K và bà Trần Thị L; có vợ Lương Thị T và có 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người bị hại: Công ty Cổ phần xây dựng Điện cơ T; địa chỉ: Tầng 14 tòa nhà Văn phòng Nam Cường, đường T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt người đại diện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 03 giờ 15 phút ngày 26/5/2019, anh Đinh Trọng Hiếu là đại diện của Công ty Cổ phần xây dựng Điện cơ T đến Đồn Công an khu công nghiệp Vsip, thuộc địa bàn huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng trình báo về việc Công ty T đang thi công hệ thống điện cho Công ty Kyocera 2 tại khu công nghiệp Vsip Hải Phòng. Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 26/5/2019, bảo vệ Công ty Kyocera 2 đi tuần tra, đã phát hiện hai đối tượng là Lương Văn Q và Trần Văn G đang lén lút bê các khung, thanh giằng, mâm giàn giáo bằng kim loại từ khu vực công trường đang thi công ra ngoài để lên xe ba gác mang đi tiêu thụ. Bị phát hiện, G và Q bỏ chạy, bỏ lại tài sản chiếm đoạt được của Công ty tại hiện trường. Tổ bảo vệ tiến hành đuổi theo bắt giữ được Q cùng vật chứng đưa đến trụ sở Đồn Công an Vsip trình báo, còn G chạy thoát.

Quá trình bắt giữ, tổ công tác thu giữ: 10 chiếc khung giáo, 10 chiếc thanh giằng và 02 chiếc sàn giáo (mâm giáo) xây dựng đều bằng kim loại; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM Elegant SR biển kiểm soát 15G1-302.44 màu sơn đỏ đen kéo xe ba bánh tự chế bằng kim loại.

Tại bản Kết luận định giá tài sản 28 tháng 5 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thủy Nguyên kết luận: 10 chiếc khung giáo, 10 chiếc thanh giằng giáo, 02 chiếc sàn giáo (mâm giáo) xây dựng đều bằng kim loại sắt đã qua sử dụng có tổng giá trị là 4.600.000 đồng.

Ngày 28/5/2019 Trần Văn G đến Công an huyện Thủy Nguyên đầu thú.

Tại Cơ quan điều tra, Lương Văn Q và Trần Văn G khai: Khoảng ngày 22/5/2019, Q gặp và đặt vấn đề với G về việc mua giàn giáo về làm dàn uống nước cho gà và làm sơn. G biết ở công trường đang thi công của Công ty T có nhiều giàn giáo được tập kết ở đó. G bàn với Q sẽ đến công trường đang thi công của Công ty T lấy giàn giáo, bán lại cho Q với giá 200.000 đồng/bộ. Q đồng ý và cùng đi với G lấy giàn giáo. Khi đi, Q lấy chiếc xe mô tô gắn với xe ba bánh (loại xe tự chế) của gia đình để chở giàn giáo. Đến nơi, G vào trong Công ty T bê giàn giáo ra ngoài tập kết tại khu vực bãi cỏ gần ngã ba giao giữa đường số 5 và đường số 10B phía sau công ty Kyocera 2. Q vận chuyển số giàn giáo G lấy được cho lên xe ba gác. Khi G đang vận chuyển một số thanh giàn giáo đưa cho Q mang ra xe ba gác để thì bị tổ bảo vệ phát hiện như nội dung nêu trên.

Về nguồn gốc chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM Elegant SR mang biển kiểm soát 15G1-302.44, màu sơn đỏ đen gắn với xe kéo ba bánh tự chế bằng kim loại, là tài sản của gia đình Q dùng để chở hàng hóa. Đăng kí xe mô tô mang tên bố bị cáo là ông Lương Văn K (đã chết), tài sản này do bà Trần Thị L (mẹ Q) quản lý. Bà L không biết Q lấy chiếc xe trên đi chở tài sản G trộm cắp.

Đại diện của người bị hại trình bày: Nguồn gốc số giàn giáo trên là do công ty thuê của người khác để thi công công trình nếu bị mất công ty phải đền tiền. Hiện tại, công ty T đã nhận lại số tài sản trên và không yêu cầu bồi thường.

Vật chứng vụ án gồm: 10 chiếc khung giáo, 10 chiếc thanh giằng giáo, 02 sàn giáo (mâm giáo) xây dựng bằng kim loại Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty sử

dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM Elegant SR mang BKS 15G1-302.44, màu sơn đỏ đen gắn với chiếc xe kéo ba bánh tự chế bằng kim loại, Công an thu giữ của Q. Quá trình điều tra, xác định tài sản trên không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Trần Thị L sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn Cây Đa, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên sử dụng. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia màu vàng đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu vàng đồng dạng bàn phím đều đã qua sử dụng đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên chờ xử lý.

Về dân sự: Công ty Cổ phần xây dựng Điện cơ T đã nhận lại tài sản; không yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại phiên tòa các bị cáo thống nhất trình bày về hành vi như đã nêu trên.

Bà Kiểm sát viên và các bị cáo đồng ý với nội dung Kết luận định giá tài sản không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Bản Cáo trạng số 91/2019/CT-VKS ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên truy tố các bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (BLHS). Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; các điều 17, 58 và 65; các điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS xử phạt bị cáo G từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; áp dụng khoản 1 Điều 173; các điều 17, 58 và 65; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS xử phạt bị cáo Q từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; ấn định thời gian thử thách cho các bị cáo. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Miễn phạt tiền các bị cáo. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu phát mại nộp sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel; các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo trình bày nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm đã thực hiện và mong muốn được sự Kn hồng của pháp luật, được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, Q định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và những người khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Q định đó nên các hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Bị cáo Trần Văn G và Lương Văn Q đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản gây thiệt hại trị giá 4.600.000 đồng là phạm tội Trộm cắp tài sản; tội phạm và hình phạt đối với bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Các chứng cứ xác định các bị cáo không có tội bị loại trừ.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gây thiệt hại không lớn, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, i và s quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS; bị cáo G đã đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[4] Về hình phạt: Đây là vụ án có đồng phạm nên cần phân hóa vai trò của từng bị cáo để có mức án phù hợp. Các bị cáo phạm tội xuất phát từ nhận thức pháp luật hạn chế, cùng nhau bàn và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp nên có vai trò như nhau. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, nhất thời phạm tội và có khả năng tự cải tạo mà không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vậy nên xem xét cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung; áp dụng Điều 65 của BLHS cho các bị cáo được hưởng án treo bằng mức khởi điểm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Tại khoản 5 Điều 173 của BLHS quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền, nhưng hoàn cảnh của các bị cáo khó khăn, không có khả năng thi hành nên không phạt tiền các bị cáo.

[5] Về vật chứng, xử lý vật chứng: 02 điện thoại di động các bị cáo dùng liên lạc để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cần tịch thu nộp sung quỹ Nhà nước.

[6] Về những vấn đề khác: Vụ án này không có dấu hiệu của việc bỏ lọt tội phạm hoặc hành vi phạm tội mới nên Hội đồng xét xử không phân tích chứng cứ để xem xét việc khởi tố vụ án hay yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự. Người bị hại không yêu cầu bồi thường khoản nào khác nên không xét. Chiếc xe mô tô BKS 15G1-302.44 và chiếc xe kéo ba bánh tự chế xác định được không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà L sử dụng là phù hợp pháp luật.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điều 58, 65; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Trần Văn G 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điều 58, 65; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Lương Văn Q 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Văn G và Lương Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Trần Văn G và Lương Văn Q thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Q định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia màu vàng đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu vàng đồng (Chi tiết tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; các bị cáo Trần Văn G và Lương Văn Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan điều tra công an huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan THAHSCA huyện Thủy Nguyên;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng

